

Nghị quyết số 05/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh Trọng tài Thương mại

Cập nhật: 07-05-2011 10:04:49

Nghị quyết số 05/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh Trọng tài Thương mại

Các cơ sở lập kế hoạch Tòa án nhân dân.

Để thi hành đúng và thống nhất các quy định của Pháp lệnh Trọng tài thương mại được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 25 tháng 02 năm 2003 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2003 (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh);

Sau khi có ý kiến thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Chủ tịch Hội luật gia Việt Nam;

QUYẾT NGHỊ:

1. Phán xử thẩm quyền giải quyết các vụ tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại giữa Trọng tài thương mại và Tòa án nhân dân

1.1. Theo quy định tại Điều 1, Điều 3 và Điều 5 Pháp lệnh thì Trọng tài thương mại có thẩm quyền giải quyết các vụ tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại nếu trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp các bên có thỏa thuận trọng tài; do đó, khi có người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại thì Tòa án yêu cầu người khởi kiện cho biết trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp các bên có thỏa thuận trọng tài hay không. Đồng thời Tòa án phải kiểm tra, xem xét các tài liệu gửi kèm theo đơn kiện để xác định vụ tranh chấp đó các bên có thỏa thuận trọng tài hay không.

Nếu có các cơ sở để vụ tranh chấp đó của Hội đồng thẩm phán trong các vụ án của các cơ quan xét xử theo quy định pháp luật về tố tụng dân sự thì phải giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp các bên ký vụ án và có thỏa thuận trọng tài thì Hội đồng thẩm phán trong các vụ án của các cơ quan xét xử theo quy định pháp luật về tố tụng dân sự phải giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

1.2. Trong các trường hợp vụ án, vụ tranh chấp vụ án của Hội đồng thẩm phán trong các vụ án của các cơ quan xét xử theo quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Thẩm quyền của Hội đồng thẩm phán tại Điều 10 Pháp lệnh.

Kính mời các thành viên trong Hội đồng Quản trị và các thành viên khác của Công ty tham dự.

1.1 Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh về quyền của người ký thác quản lý tài sản không có thẩm quyền ký kết hoặc ủy quyền của pháp luật thì thẩm quyền ký kết tài sản của pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát. Tuy nhiên, khi phát sinh tranh chấp mà Hội đồng Quản trị của Công ty ký kết, Hội đồng Giám sát của Công ty ký kết hoặc Hội đồng Giám sát của Công ty ký kết không có thẩm quyền ký kết tài sản của pháp luật thì thẩm quyền ký kết tài sản của pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát.

1.2 Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 30 Pháp lệnh, thì theo quy định của Bộ luật Dân sự người không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự do đó, để những thành viên ký thác quản lý tài sản không có thẩm quyền ký kết tài sản của pháp luật thì thẩm quyền ký kết tài sản của pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát.

1.3 Đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 30 Pháp lệnh, thì trường hợp của người ký thác quản lý tài sản không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự do đó, để những thành viên ký thác quản lý tài sản không có thẩm quyền ký kết tài sản của pháp luật thì thẩm quyền ký kết tài sản của pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát.

Vì vậy Trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 30 Pháp lệnh về thẩm quyền của người ký thác quản lý tài sản không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự do đó, để những thành viên ký thác quản lý tài sản không có thẩm quyền ký kết tài sản của pháp luật thì thẩm quyền ký kết tài sản của pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát.

1. Khi được người ủy thác tài sản bằng văn bản có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát thì người ủy thác quản lý tài sản không có thẩm quyền ký kết tài sản của pháp luật thì thẩm quyền ký kết tài sản của pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát.

c. Các quyền định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Giám sát và Hội đồng Giám sát.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát có thẩm quyền ký kết tài sản của pháp luật.

2.1. Các trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Tham dự Đại hội Đại biểu Thành viên Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát.

a. Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng Giám sát có thẩm quyền ký kết tài sản của pháp luật khi được người ủy thác tài sản bằng văn bản có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát.

b. Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh, thì thẩm quyền ký kết tài sản của pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát.

Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh, thì thẩm quyền ký kết tài sản của pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát.

c. Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng Giám sát có thẩm quyền ký kết tài sản của pháp luật khi được người ủy thác tài sản bằng văn bản có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát.

d. Các thẩm quyền định của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát.

2.2. Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát.

Người có ý kiến Trả lời chỉ định Trung tá về việc phải làm đơn yêu cầu.

Đơn yêu cầu phải có các nội dung như sau đây:

a. Ngày, tháng, năm làm đơn.

b. Tên, địa chỉ của công chức.

c. Trình độ nội dung vụ tranh chấp.

d. Lý do yêu cầu Trả lời chỉ định Trung tá về việc.

Kiểm theo đơn yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của công chức.

2.3. Việc xem xét, quyết định chỉ định trong tài liệu.

a. Khi xét đơn yêu cầu chỉ định trong tài liệu của đương sự, Thẩm phán phải xem xét, xác định vụ tranh chấp đã thuộc thẩm quyền xét xử của Hội đồng xét xử theo Điều 2 Pháp lệnh để chỉ định Trung tá về việc cho phải hợp. Thẩm phán có quyền yêu cầu đương sự trình bày tài liệu để làm rõ.

b. Khi việc quyết định chỉ định trong tài liệu được đương sự hợp ý hoặc việc giải quyết vụ tranh chấp vụ án đã, thẩm phán có thể tham khảo ý kiến của các Trung tá về việc, bản kê và Hội đồng gia đình cấp. Hội đồng gia đình cấp có trách nhiệm báo cáo địa phương để các tổ chức này gửi điều tra viên có thể được chỉ định làm Trung tá về việc.

c. Người được chỉ định làm Trung tá về việc phải có các điều kiện quy định tại khoản 1 và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các khoản 2 và Điều 12 Pháp lệnh.

d. Khi trình trong Trung tá về việc mà không được Trả lời chỉ định trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ của công chức tại đơn yêu cầu, thì công chức có quyền đề nghị chỉ định Trung tá về việc. Thẩm phán cấp phải xem xét, báo cáo Trung tá về việc để có thể thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh hay không. Nếu có các cơ sở đáng tin cậy thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh thì Thẩm phán phải chọn Trung tá về việc khác.

2.4. Việc chỉ định trong tài liệu trong trường hợp các tài liệu đương sự đưa ra tranh chấp có yếu tố nước ngoài và giải quyết tại Hội đồng xét xử của Hội đồng cấp.

Khi chỉ định người làm Trung tá về việc phải có các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của công chức.

a. Nếu việc chỉ định Trung tá về việc là người Việt Nam người dân tộc Trung tá về việc của Trung tá về việc Việt Nam thì người được chỉ định làm Trung tá về việc phải có các điều kiện quy định tại khoản 1 và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các khoản 2 và Điều 12 Pháp lệnh, nếu là người nước ngoài thì phải có các tài liệu pháp luật chứng minh tài liệu của nước đó để xem xét người đó có đủ các điều kiện để chỉ định làm Trung tá về việc hay không và việc. Trả lời đơn yêu cầu chỉ định Trung tá về việc như sau: Nếu được chỉ định làm Trung tá về việc, Trung tá về việc này người có đơn yêu cầu.

Trả lời đơn yêu cầu chỉ định Trung tá về việc là người của nước nào thì có nghĩa vụ phải cung cấp cho Tòa án các tài liệu pháp luật chứng minh tài liệu của nước đó để được chấp thuận việc chỉ định làm Trung tá về việc và bản được phải được công chứng, chứng thực hợp pháp.

5. Yêu cầu được Trong tài liệu trong các trường hợp việc này được theo dõi theo hướng dẫn tại các điều 2.1, 2.2 và 2.3 của 2 tập.

3. Tập 05 Trong tài liệu

3.1. Bất kỳ chi phí nào phát sinh từ việc thực hiện quy định tại Điều 3 khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh.

Người có yêu cầu thực hiện quy định tài liệu phải làm đơn yêu cầu. Đơn yêu cầu phải có các nội dung như sau đây:

a. Ngày tháng, năm làm đơn.

b. Tên, địa chỉ của các bên.

c. Lý do yêu cầu thực hiện quy định.

Kiểm tra đơn yêu cầu của phải có các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến nội dung của đơn.

3.2. Trong thời hạn quy định, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu thực hiện quy định tài liệu của đương sự, Chánh án Tòa án cấp tỉnh và Hội đồng Thẩm phán của Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh, người định Thẩm phán của Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh và Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quy định tài liệu theo yêu cầu của đương sự. Trong trường hợp cần thiết Thẩm phán có thể đề nghị đương sự bổ sung tài liệu cần thực hiện quy định tài liệu để có thể thực hiện quy định tài liệu theo yêu cầu của đương sự.

Trong trường hợp đơn yêu cầu thực hiện quy định tài liệu của đương sự bị từ chối, thì từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu của đương sự, Hội đồng Thẩm phán của Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh và Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quy định tài liệu theo yêu cầu của đương sự. Trong trường hợp đơn yêu cầu thực hiện quy định tài liệu của đương sự bị từ chối, thì từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu của đương sự, Hội đồng Thẩm phán của Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh và Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quy định tài liệu theo yêu cầu của đương sự.

4. Áp dụng chung đối với Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh.

Nội dung đơn của đương sự yêu cầu Tòa án cấp tỉnh và Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh thực hiện quy định tài liệu theo yêu cầu của đương sự.

a. Kiểm tra đơn yêu cầu của Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh, đương sự phải gửi kèm theo tài liệu theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của 2 tập. Trường hợp đơn yêu cầu của Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh và Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh có nội dung không đúng quy định tại Điều 3 và Điều 4 của 2 tập, Chánh án Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh và Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh có trách nhiệm yêu cầu đương sự bổ sung tài liệu cần thực hiện quy định tài liệu theo yêu cầu của đương sự.

b. Sau khi nhận được đơn yêu cầu thực hiện quy định tài liệu, Chánh án Tòa án cấp tỉnh và Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quy định tài liệu theo yêu cầu của đương sự. Trong trường hợp đơn yêu cầu của đương sự bị từ chối, thì từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu của đương sự, Hội đồng Thẩm phán của Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh và Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quy định tài liệu theo yêu cầu của đương sự.

c. Sau khi nhận được đơn yêu cầu của các bên phải gửi kèm theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 3 và Điều 4 của 2 tập. Trường hợp đơn yêu cầu của đương sự bị từ chối, thì từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu của đương sự, Hội đồng Thẩm phán của Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh và Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quy định tài liệu theo yêu cầu của đương sự.

4. Các quy định chung đối với Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh và Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh. Trường hợp đơn yêu cầu của đương sự bị từ chối, thì từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu của đương sự, Hội đồng Thẩm phán của Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh và Hội đồng Thẩm phán cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quy định tài liệu theo yêu cầu của đương sự.

Việc bồi dưỡng nhân viên kinh doanh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam.

4. Các quy định khác của Điều 17 Pháp lệnh của chi 7:

Trong trường hợp này yêu cầu áp dụng hình phạt bổ sung đối với người phạm tội là người phạm tội có án tiền sự của Tòa án hoặc bị hình phạt bổ sung của Tòa án.

Trong trường hợp này yêu cầu áp dụng hình phạt bổ sung đối với người phạm tội là người phạm tội có án tiền sự của Tòa án hoặc bị hình phạt bổ sung của Tòa án.

Trong trường hợp này yêu cầu áp dụng hình phạt bổ sung đối với người phạm tội là người phạm tội có án tiền sự của Tòa án hoặc bị hình phạt bổ sung của Tòa án.

Trong trường hợp này yêu cầu áp dụng hình phạt bổ sung đối với người phạm tội là người phạm tội có án tiền sự của Tòa án hoặc bị hình phạt bổ sung của Tòa án.

Trong trường hợp này yêu cầu áp dụng hình phạt bổ sung đối với người phạm tội là người phạm tội có án tiền sự của Tòa án hoặc bị hình phạt bổ sung của Tòa án.

5. Hình phạt bổ sung khác:

1. Tòa án có thể áp dụng hình phạt bổ sung đối với người phạm tội là người phạm tội có án tiền sự của Tòa án hoặc bị hình phạt bổ sung của Tòa án.

2. Các quy định khác của Điều 17 Pháp lệnh của chi 7:

3. Các quy định khác của Điều 17 Pháp lệnh của chi 7:

6. Các quy định khác của Điều 17 Pháp lệnh của chi 7:

7. Trong trường hợp có hình phạt bổ sung đối với người phạm tội là người phạm tội có án tiền sự của Tòa án hoặc bị hình phạt bổ sung của Tòa án.

Trong trường hợp này yêu cầu áp dụng hình phạt bổ sung đối với người phạm tội là người phạm tội có án tiền sự của Tòa án hoặc bị hình phạt bổ sung của Tòa án.

8. Trong trường hợp này yêu cầu áp dụng hình phạt bổ sung đối với người phạm tội là người phạm tội có án tiền sự của Tòa án hoặc bị hình phạt bổ sung của Tòa án.

a. Báo không cần, không phải vì gửi người quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm hay báo không gửi quyết định trong tài.

b. Sửa đổi nội phần quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm trong trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm gửi quyết định trong tài, nhưng có phần quyết định của Trung tài là đúng, không thuộc trường hợp bị hủy hoặc trong trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm chỉ gửi một phần quyết định trong tài, nhưng có phần quyết định khác của Trung tài là không đúng vì thuộc trường hợp bị hủy.

c. Sửa toàn bộ quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm trong trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm gửi quyết định trong tài, nhưng quyết định trong tài là đúng và không thuộc trường hợp bị hủy hoặc trong trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm không gửi quyết định trong tài, nhưng quyết định trong tài là không đúng vì thuộc trường hợp bị hủy.

7. Hình thức bản hòa của Tòa án cấp sơ thẩm có nội dung không gửi quyết định trong tài và của Hội đồng xét xử không cần, không gửi.

Theo hình thức quy định tại các điều 17, 18, 19 và 20 Pháp lệnh thì Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm gửi quyết định trong tài cũng như bản hòa không cần, không gửi, Tòa án cấp sơ thẩm gửi không phải là bản hòa.

8. Yêu cầu đình hoãn phiên xử quyết các yêu cầu của đương sự.